

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-LĐTBOXH
V/v tăng cường quản lý, sử dụng lao
động nước ngoài làm việc trên địa
bàn huyện

Ia Grai, ngày tháng 9 năm 2022

Kính gửi:

- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Các đơn vị, doanh nghiệp, nhà thầu sử dụng người lao động nước ngoài đứng chân trên địa bàn huyện.

Thực hiện Công văn số 1794/SLĐTBOXH-LĐVL ngày 24/9/2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai về việc tăng cường quản lý, sử dụng lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị, doanh nghiệp, nhà thầu sử dụng người lao động nước ngoài đứng chân trên địa bàn huyện triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội:

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các xã, thị trấn và các đơn vị, doanh nghiệp, nhà thầu sử dụng người lao động nước ngoài đứng chân trên địa bàn huyện thực hiện Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện báo cáo 9 tháng và báo cáo năm về tình hình sử dụng lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn huyện theo đúng quy định và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Chỉ đạo các ban, ngành chuyên môn tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp, nhà thầu sử dụng người lao động nước ngoài triển khai thực hiện đúng quy định Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

3. Các đơn vị, doanh nghiệp, nhà thầu sử dụng người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn huyện:

2.1. Thực hiện báo cáo 9 tháng đầu năm và hàng năm về tình hình sử dụng người lao động nước ngoài theo thời hạn trước ngày 30/9 và ngày 05/01 của năm sau (theo mẫu số 07/PL1 Nghị định số 152/NĐ-CP): Theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 32, Nghị định 12/2022-CP: *Trường hợp người sử dụng lao động vi phạm sẽ bị phạt từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nếu không báo cáo hoặc báo cáo không đúng nội dung hoặc báo cáo không đúng thời hạn về tình hình sử dụng người lao động nước ngoài theo quy định.*

2.2. Thực hiện ký hợp đồng lao động với người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động (đối với trường hợp người nước ngoài làm việc theo hình thức hợp đồng lao động) và gửi hợp đồng lao động đã ký kết theo yêu cầu tới cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép lao động đó. Hợp đồng lao động là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực (Nội dung của hợp đồng lao động phải đúng với nội dung trên giấy phép lao động):

- Theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 32, Nghị định 12/2022/NĐ-CP: *Người sử dụng lao động vi phạm sẽ bị phạt từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nếu không gửi bản sao hợp đồng đã ký kết tới cơ quan đã cấp giấy phép lao động đối với trường hợp người lao động nước ngoài làm việc theo hình thức hợp đồng lao động.*

- Theo quy định tại khoản 2, điều 32, Nghị định 12/2022-CP: *Trường hợp người sử dụng lao động vi phạm sẽ bị phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi vi phạm với mỗi người lao động nhưng tối đa không quá 75.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động có hành vi sử dụng lao động nước ngoài không đúng với nội dung ghi trên giấy phép lao động hoặc văn bản xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động.*

2.3. Đơn vị không sử dụng lao động là người nước ngoài khi chưa có giấy phép lao động hoặc văn bản xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định:

Theo quy định tại khoản 4, điều 32, Nghị định 12/2022-CP: *Trường hợp người sử dụng lao động vi phạm sẽ bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng nếu có hành vi sử dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam mà không có giấy phép lao động hoặc không có giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động hoặc sử dụng người lao động nước ngoài có giấy phép lao động đã hết hạn hoặc văn bản xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đã hết hiệu lực.*

2.4. Khi thực hiện báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng hoặc thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài, đề nghị các đơn vị xác định đúng vị trí công việc và hình thức làm việc đối với các chức danh công việc có nhu cầu tuyển dụng lao động là người nước ngoài làm căn cứ xác định đối tượng đóng Bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị định 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ:

Theo quy định tại khoản 7, điều 39, Nghị định 12/2022/NĐ-CP: *Trường hợp người sử dụng lao động vi phạm sẽ bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng nếu trốn đóng BHXH bắt buộc, BHYT mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.*

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị, doanh nghiệp, nhà thầu sử dụng

người lao động nước ngoài nghiêm túc thực hiện các nội dung trên. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội) số điện thoại: **02693844353** để được giải quyết, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện (b/c);
- Công an huyện (p/h);
- Lưu VT, LĐTĐBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Đông

**TÊN DOANH
NGHIỆP/TỔ CHỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI**

(Tính từ ngày...tháng...năm...đến ngày...tháng... năm...)

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố...

Thông tin về doanh nghiệp/tổ chức: tên doanh nghiệp/tổ chức, địa chỉ, điện thoại, fax, email, website, giấy phép kinh doanh/hoạt động, lĩnh vực kinh doanh/hoạt động, người đại diện của doanh nghiệp/tổ chức để liên hệ khi cần thiết (số điện thoại, email).

Báo cáo tình hình tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động nước ngoài của như sau:

1. Thông tin về nhà thầu (nếu có) gồm: tên nhà thầu, địa chỉ đăng ký tại nước hoặc vùng lãnh thổ nơi nhà thầu mang quốc tịch, số điện thoại, fax, email, website, giấy phép thầu, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc văn phòng điều hành tại Việt Nam, giấy phép thầu, thời gian thực hiện gói thầu.

2. Số liệu về người lao động nước ngoài của doanh nghiệp, tổ chức (có bảng tổng hợp số liệu kèm theo).

3. Đánh giá, kiến nghị (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BẢNG TỔNG HỢP NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI
Kèm theo Báo cáo số... ngày... tháng... năm... của (tên doanh nghiệp/tổ chức)

Đơn vị tính: người

Số TT	Quốc tịch	Phát sinh trong 6 tháng/năm			Vị trí công việc				Giấy phép lao động				Chưa được cấp/cấp lại/gia hạn /xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ	Thu hồi GPLĐ	Làm việc cho doanh nghiệp, tổ chức
		Tổng số	Trong đó: LĐNN làm việc dưới 1 năm		Nhà quản lý	Giám đốc điều hành	Chuyên gia	Lao động kỹ thuật	Cấp GPLĐ	Cấp lại GPLĐ	Gia hạn GPLĐ	Không thuộc diện cấp GPLĐ			
			Số lượng	Lương bình quân (VNĐ)											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
														
Tổng															

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH tỉnh, thành phố.....;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) (3) = (6) + (7) + (8) + (9) = (10) + (11) + (12) + (13).

(**) Cột (16) Thống kê người lao động nước ngoài làm việc cho doanh nghiệp, tổ chức chia theo: doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp ngoài nhà nước; tổ chức